

Số: 124 /KH-UBND

Bà Rịa - Vũng Tàu, ngày 06 tháng 7 năm 2023

KẾ HOẠCH THỰC HIỆN

Nghị quyết số 48/NQ-CP ngày 03 tháng 4 năm 2023 của Chính phủ Phê duyệt Chiến lược khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên, bảo vệ môi trường biển và hải đảo đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050

Thực hiện Nghị Quyết số 48/NQ-CP ngày 03/4/2023 của Chính phủ về việc phê duyệt Chiến lược khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên, bảo vệ môi trường biển và hải đảo đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 (sau đây gọi tắt là Quyết số 48/NQ-CP) và căn cứ tình hình thực tế tại địa phương. Xét đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 235./TTr-STNMT ngày 26 tháng 05 năm 2023, UBND tỉnh xây dựng Kế hoạch triển khai thực hiện Nghị quyết số 48/NQ-CP như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

a) Cụ thể hóa các mục tiêu, phương hướng, nhiệm vụ và giải pháp đã được Chính phủ đề ra và phân công thực hiện tại Nghị quyết số 48/NQ-CP ngày 03 tháng 4 năm 2023 của Chính phủ nhằm khai thác, phát huy hiệu quả tiềm năng lợi thế của tỉnh; tài nguyên biển và hải đảo được khai thác hợp lý, sử dụng hiệu quả, công bằng phục vụ phát triển kinh tế - xã hội gắn với bảo đảm quốc phòng an ninh, đối ngoại và hợp tác quốc tế; ô nhiễm môi trường biển được ngăn ngừa, kiểm soát, giảm thiểu đáng kể; đa dạng sinh học biển, ven biển và hải đảo được bảo vệ, duy trì và phục hồi; các giá trị di sản thiên nhiên, di sản văn hóa biển được bảo tồn và phát huy; tác động của thiên tai được hạn chế thấp nhất có thể, chủ động ứng phó có hiệu quả với biến đổi khí hậu và nước biển dâng.

b) Phân công trách nhiệm cụ thể, rõ ràng cho từng cơ quan, đơn vị gắn với công tác theo dõi, kiểm tra, giám sát nhằm phát huy tinh thần chủ động, sáng tạo của từng ngành, địa phương.

c) Làm cơ sở để các sở, ban, ngành và UBND các huyện, thị xã, thành phố có biển chủ động triển khai các công việc theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

2. Yêu cầu

a) Triển khai đồng bộ các giải pháp để thực hiện Nghị quyết số 48/NQ-CP; Nghị quyết số 36-NQ/TW ngày 22 tháng 10 năm 2018 của Hội nghị Trung ương 8 khóa XII về Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; Nghị quyết số 24-NQ/TW ngày 07 tháng 10 năm 2022 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Đông Nam Bộ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; Nghị quyết số

154/NQ-CP ngày 23 tháng 11 năm 2022 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 24-NQ/TW; Chương trình hành động số 44-CTr/TU ngày 09/10/2019 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh.

b) Bảo đảm tính chủ động, thống nhất trong tư duy và hành động của các cấp, các ngành, xác định đây là nhiệm vụ chính trị trọng tâm, thường xuyên trong quá trình tổ chức thực hiện, chỉ đạo điều hành nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội hàng năm của từng ngành và địa phương; sự phối hợp chặt chẽ giữa các sở, ngành, địa phương trong việc thực hiện các nội dung công việc được phân công, hoàn thành các nhiệm vụ đề ra theo kế hoạch.

II. QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU

1. Quan điểm

a) Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo là nền tảng và nguồn lực quan trọng để phát triển đất nước, phải được khai thác, sử dụng hiệu quả, bền vững để phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội và bảo vệ môi trường, bảo tồn đa dạng sinh học, ứng phó với biến đổi khí hậu và nước biển dâng.

b) Khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên, bảo vệ môi trường biển và hải đảo dựa trên cơ sở kết quả điều tra cơ bản tài nguyên, môi trường biển và hải đảo, khoa học công nghệ hiện đại, nguồn lực chất lượng cao và những tri thức tích lũy được từ cuộc sống của cộng đồng dân cư ven biển, đảm bảo phát triển kinh tế biển xanh.

c) Khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên, bảo vệ môi trường biển và hải đảo là quyền lợi, trách nhiệm của mọi cá nhân, tổ chức tham gia các hoạt động trên biển và phải gắn liền với bảo đảm quốc phòng, an ninh, giữ vững độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ, tăng cường đối ngoại, hợp tác quốc tế về biển, góp phần duy trì môi trường hoà bình, ổn định cho phát triển đất nước, trở thành quốc gia mạnh về biển, giàu từ biển.

2. Mục tiêu tổng quát

a) Tài nguyên biển và hải đảo được khai thác hợp lý, sử dụng hiệu quả, công bằng phục vụ phát triển kinh tế - xã hội gắn với bảo đảm quốc phòng an ninh, đối ngoại và hợp tác quốc tế.

b) Đẩy nhanh tốc độ xây dựng phát triển tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu trở thành trung tâm kinh tế biển quốc gia; đạt các tiêu chí quốc gia về phát triển bền vững kinh tế biển; bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa biển; hình thành văn hóa sinh thái biển; chủ động thích ứng với biến đổi khí hậu, nước biển dâng; ngăn chặn xu thế ô nhiễm, suy thoái môi trường biển, tình trạng sạt lở bờ biển, biển xâm thực vùng ven biển; phục hồi và bảo tồn các hệ sinh thái biển trên địa bàn tỉnh; ứng dụng thành tựu khoa học mới, tiên tiến, hiện đại trong phát triển bền vững kinh tế biển của tỉnh.

2.1. Mục tiêu cụ thể đến năm 2030

a) Về khoa học, công nghệ, phát triển nguồn nhân lực biển

Tiếp cận, ứng dụng thành tựu khoa học và công nghệ biển đạt trình độ tiên tiến, hiện đại. Đào tạo và phát triển nguồn nhân lực biển, đội ngũ cán bộ khoa học và công nghệ biển có năng lực, trình độ cao. Hình thành khu Khoa học và công nghệ biển của tỉnh.

b) Về môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu, nước biển dâng

- Đánh giá được tiềm năng, giá trị các tài nguyên biển quan trọng. Thiết lập bộ cơ sở dữ liệu số hóa về biển, đảo, bảo đảm tính tích hợp, chia sẻ và cập nhật.

- Ngăn ngừa, kiểm soát và giảm đáng kể ô nhiễm môi trường biển; 100% chất thải nguy hại, chất thải rắn sinh hoạt được thu gom, xử lý; 100% khu công nghiệp và khu đô thị ven biển được quy hoạch, xây dựng theo hướng bền vững, sinh thái, thông minh, thích ứng với biến đổi khí hậu, nước biển dâng.

- Ứng phó hiệu quả với thiên tai, biến đổi khí hậu và nước biển dâng dựa vào sử dụng bền vững tài nguyên và bảo vệ môi trường biển và hải đảo cùng với năng lực dự báo, cảnh báo thiên tai, biến đổi khí hậu và tác động của nước biển dâng được tăng cường.

- Quản lý và bảo vệ tốt các hệ sinh thái biển, ven biển và hải đảo; duy trì tỷ lệ che phủ rừng ven biển. Có biện pháp phòng, tránh, ngăn chặn, hạn chế tác động của triều cường, xâm nhập mặn, xói lở bờ biển.

c) Điều tra cơ bản và nghiên cứu khoa học biển và hải đảo cơ bản đáp ứng được yêu cầu của hoạt động khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên, bảo vệ môi trường, bảo tồn đa dạng sinh học biển và hải đảo, bảo tồn và phát huy các giá trị di sản văn hóa biển, phòng, chống thiên tai, ứng phó biến đổi khí hậu và nước biển dâng góp phần phát triển bền vững kinh tế biển.

d) Kinh tế biển phấn đấu đến năm 2030 các ngành kinh tế biển phát triển bền vững theo chuẩn mực quốc tế; kiểm soát khai thác tài nguyên biển trong khả năng phục hồi của hệ sinh thái biển.

2.2. Tầm nhìn đến năm 2050

Tài nguyên biển và hải đảo được khai thác hợp lý, sử dụng hiệu quả nhằm đưa tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu trở thành trung tâm kinh tế biển quốc gia trên nền tảng tăng trưởng xanh, đa dạng sinh học biển được bảo tồn, môi trường biển và các hải đảo trong lành, xã hội hài hòa với thiên nhiên.

III. CÁC NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP

1. Bảo vệ môi trường, bảo tồn, phát triển bền vững đa dạng sinh học biển; chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, nước biển dâng và phòng, chống thiên tai

- Nâng cao năng lực quan trắc, giám sát tài nguyên, môi trường biển, năng lực ứng phó sự cố môi trường, hóa chất độc trên biển; quản lý rác thải biển, nhất là rác thải nhựa; cải thiện, nâng cao chất lượng môi trường vùng biển, đảo của tỉnh.

- Nâng cao năng lực dự báo, cảnh báo, chủ động phòng chống thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu, nước biển dâng.

- Xây dựng và triển khai hiệu quả chương trình nâng cao nhận thức về bảo vệ, bảo tồn tài nguyên biển trong phát triển kinh tế - xã hội và bảo vệ môi trường cho cán bộ và người dân.

- Đầu tư, củng cố hạ tầng, trang thiết bị đồng bộ cho hệ thống thu gom và xử lý chất thải nguy hại, nước thải, chất thải rắn sinh hoạt, thu gom xử lý đạt quy chuẩn môi trường.

- Nghiên cứu phương án bảo tồn đa dạng sinh học, phục hồi các hệ sinh thái biển, nhất là các hệ sinh thái biển quan trọng; bảo đảm tính toàn vẹn và mối quan hệ tự nhiên giữa các hệ sinh thái đất liền và biển.

- Nghiên cứu ứng dụng các thành tựu khoa học và công nghệ, nâng cao năng lực trong phòng, chống biển xâm thực, xói lở bờ biển, ngập lụt, hạn hán, xâm nhập mặn.

2. Phổ biến, giáo dục pháp luật, thông tin tuyên truyền về biển đảo

- Thực hiện tuyên truyền, quảng bá vị thế, tiềm năng về biển của tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu ra thế giới; phổ biến đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước cũng như cơ chế, chính sách của tỉnh trong việc thu hút đầu tư phát triển kinh tế biển theo hướng bền vững, thân thiện với môi trường.

- Tuyên truyền, giáo dục cho ngư dân, đặc biệt là ngư dân hoạt động trên các phương tiện đánh bắt xa bờ nâng cao ý thức cảnh giác; kết hợp vừa đánh bắt hải sản vừa làm tốt công tác nắm tình hình phục vụ cho nhiệm vụ bảo vệ chủ quyền, an ninh trên biển.

- Triển khai thực hiện việc giáo dục, nâng cao nhận thức, kiến thức, hiểu biết về biển, đại dương, khả năng sinh tồn, thích ứng với biến đổi khí hậu, nước biển dâng, phòng, tránh thiên tai cho học sinh, sinh viên trong tất cả các bậc học, cấp học.

- Tuyên truyền, phổ biến kiến thức cho cộng đồng dân cư ven biển, trên các đảo về biến đổi khí hậu và kỹ năng thích nghi để sống chung với biến đổi khí hậu. Vận động ngư dân không sử dụng các biện pháp khai thác có tính hủy diệt, thiếu bền vững trong khai thác hải sản; không khai thác hải sản trong các vùng cấm, không đánh bắt các loài thủy sinh thuộc danh mục cấm khai thác và có trách nhiệm bảo vệ các loài thủy sinh thuộc danh mục ưu tiên bảo vệ.

- Thực hiện tuyên truyền chính sách của Nhà nước về chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

- Tổ chức tuyên truyền, giáo dục định hướng học sinh chọn các ngành nghề về dịch vụ dầu khí, dịch vụ cảng, vận tải biển, dịch vụ du lịch, khai thác và nuôi trồng hải sản để bảo vệ tài nguyên biển và bảo vệ nguồn lợi thủy sản.

3. Tập trung hoàn thiện các quy hoạch, kế hoạch liên quan đến biển đảo

- Triển khai thực hiện quy hoạch tổng thể và quy hoạch chi tiết hệ thống các khu bảo tồn biển, khu bảo vệ nguồn lợi thủy sản; xây dựng và thực hiện cơ chế, chính sách chuyển đổi nghề, tạo sinh kế cho cộng đồng dân cư trong và xung quanh khu bảo tồn biển.

- Triển khai thực hiện quy hoạch các khu công nghiệp, cụm công nghiệp và khu đô thị ven biển đã được các cấp có thẩm quyền phê duyệt đảm bảo theo hướng bền vững, dựa vào hệ sinh thái, thích ứng thông minh với biến đổi khí hậu, nước biển dâng, đáp ứng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

4. Huy động nguồn lực, khuyến khích các thành phần kinh tế đầu tư cho phát triển bền vững biển

- Tạo quỹ đất sạch để kêu gọi đầu tư các dự án theo Danh mục dự án kêu gọi đầu tư năm 2020 và giai đoạn 2021 - 2025 (nguồn vốn ngoài ngân sách) được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 2207/QĐ-UBND ngày 31/07/2020.

- Chủ động nâng cao hiệu quả công tác phối hợp với các bộ, ngành Trung ương để sớm triển khai đầu tư các tuyến giao thông kết nối liên vùng: tuyến cao tốc Biên Hòa - Vũng Tàu, đường sắt thành phố Hồ Chí Minh - Biên Hòa - Vũng Tàu, nâng cấp sân bay Côn Đảo, di dời và đầu tư mới sân bay Vũng Tàu tại Gò Găng. Khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia đầu tư, phát triển kinh tế biển.

- Đẩy mạnh huy động nguồn vốn đầu tư từ các thành phần kinh tế; ưu tiên thu hút các công ty đa quốc gia có thương hiệu quốc tế, nhà đầu tư có chiến lược đầu tư dài hạn, có trách nhiệm xã hội, sử dụng trình độ công nghệ hiện đại và thân thiện với môi trường.

- Tập trung kêu gọi các dự án sản xuất các sản phẩm công nghiệp, các sản phẩm có chất lượng và sức cạnh tranh cao; các dự án nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao gắn với các nhà máy chế biến nông sản, thủy hải sản phục vụ cho xuất khẩu.

5. Bảo đảm quốc phòng, an ninh và mở rộng hợp tác quốc tế

- Chủ động nắm chắc tình hình an ninh, kinh tế thế giới, khu vực và trong nước; chủ động nắm tình hình về năng lực tài chính của các nhà đầu tư trong và ngoài nước, đặc biệt là các nhà đầu tư có vốn trực tiếp nước ngoài (FDI) trong lĩnh vực kinh tế biển để kịp thời phát hiện các nhà đầu tư không đủ năng lực tài chính; các nhà đầu tư lợi dụng các chính sách ưu đãi của Việt Nam để trốn thuế, chuyển giá, thực hiện các hành vi vi phạm pháp luật khác như: gây ô nhiễm môi trường, nợ bảo hiểm, nợ lương người lao động...

- Xây dựng lực lượng công an, biên phòng khu vực ven biển và hải đảo vững mạnh toàn diện, làm nòng cốt cho bảo đảm an ninh chính trị, trật tự, an

toàn xã hội vùng biển, đảo, góp phần quan trọng bảo đảm an ninh, an toàn cho dân cư, người lao động và các hoạt động kinh tế khu vực biển.

- Đầu tư trang thiết bị hiện đại, chú trọng đào tạo nhân lực, nâng cao hiệu quả thực thi pháp luật và tăng cường khả năng hiệp đồng, tác chiến của các lực lượng tham gia bảo vệ chủ quyền biển, đảo, lợi ích quốc gia, bảo đảm an ninh, an toàn cho nhân dân và các hoạt động kinh tế khu vực biển.

- Đẩy mạnh việc tổ chức sản xuất và khai thác biển; khuyến khích nhân dân ra các đảo để định cư lâu dài và làm ăn trên các vùng biển xa, vừa phát triển kinh tế vừa làm nhiệm vụ bảo vệ chủ quyền biển, đảo; tiếp tục xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh nhân dân tại các đảo, quần đảo.

- Triển khai đồng bộ các biện pháp nhằm bảo vệ thống nhất vững chắc các quyền và lợi ích quốc gia trên vùng biển, đảo; củng cố, tăng cường thế trận quốc phòng toàn dân, gắn với thế trận an ninh nhân dân khu vực biển; bảo đảm năng lực xử lý tốt các tình huống trên biển, đảo. Tăng cường quản lý nhà nước trên biển, đảo, nhất là sự phối hợp chặt chẽ, hiệu quả giữa các lực lượng chức năng trên biển trong bảo vệ chủ quyền, bảo đảm an ninh, an toàn vùng biển, đảo.

6. Phát triển kết cấu hạ tầng biển, ven biển và đô thị ven biển

- Rà soát và tiếp tục thực hiện Kế hoạch hành động số 85-KH/TU của Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 13-NQ/TW ngày 16/01/2012 của Ban chấp hành Trung ương Đảng (khóa XI) về xây dựng kết cấu hạ tầng đồng bộ nhằm đưa nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại vào năm 2020;

- Tiếp tục xác định phát triển kết cấu hạ tầng đồng bộ là một trong những đột phá chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của Tỉnh và cả nước giai đoạn 2021-2030 theo Thông báo kết luận số 53-TB/TW ngày 30/3/2019 của Bộ Chính trị.

- Tập trung, ưu tiên bố trí vốn để đầu tư hệ thống kết cấu hạ tầng Côn Đảo theo các quy hoạch đã được phê duyệt; trong đó, tập trung vào các dự án nâng cấp, mở rộng cảng Bến Đầm, Cảng tàu du lịch Côn Đảo, hệ thống cấp nước, xử lý nước thải, rác thải, các hồ chứa nước ngọt, kết cấu hạ tầng khu Trung tâm, Cỏ Ống và Bến Đầm, các dự án bảo tồn di tích lịch sử, các dự án hạ tầng phục vụ công tác bảo tồn thiên nhiên thuộc Vườn Quốc gia Côn Đảo ... để tạo điều kiện phát triển kinh tế, bảo đảm an sinh xã hội, quốc phòng – an ninh trên địa bàn huyện Côn Đảo.

- Thực hiện các cơ chế, chính sách hỗ trợ cho các doanh nghiệp đầu tư vào phát triển hạ tầng cho kinh tế biển, ven biển theo quy định.

- Đầu tư nâng cấp hệ thống đê biển bảo đảm khả năng chống chịu được bão cấp 12. Củng cố hệ thống mỏ kè giữ bãi ở các khu vực xung yếu và các biện pháp về phòng chống biển xâm thực, xói lở bờ biển.

- Quy hoạch phát triển hệ thống thủy lợi, đê điều vừa bảo đảm phục vụ phát triển sản xuất; đồng thời, đáp ứng yêu cầu về khả năng thoát lũ, phòng chống xói lở bờ biển và chống xâm nhập mặn.

7. Phát triển văn hóa - xã hội vùng biển đảo và ven biển

- Thực hiện công tác giáo dục, dạy học lồng ghép để tuyên truyền công tác bảo vệ môi trường biển, đảo, bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa biển.
- Đổi mới cơ chế tài chính giáo dục nhằm huy động, phân bổ và sử dụng hiệu quả các nguồn lực của nhà nước và xã hội đầu tư cho giáo dục.
- Phối hợp với các cơ quan có thẩm quyền ở Trung ương kiện toàn bộ máy và nâng cao năng lực về quản lý tổng hợp, thống nhất về biển và hải đảo. Chú trọng kiện toàn, đào tạo, nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ làm công tác quản lý biển và hải đảo ở các địa phương có biển và hải đảo.
- Bảo đảm an ninh, an toàn cho nhân dân khu vực biên giới biển, đảo và những người lao động trên biển.
- Liên hệ chặt chẽ với quần chúng nhân dân, tuyên truyền vận động nhân dân thực hiện các chủ trương và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; tích cực xây dựng cơ sở chính trị, xây dựng nền biên phòng toàn dân và các thế trận an ninh nhân dân trên địa bàn toàn tỉnh.

8. Nhiệm vụ phát triển các ngành kinh tế biển trên nền tảng tăng trưởng xanh

Tiếp tục phát huy lợi thế về kinh tế biển; thực hiện chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng tăng mạnh tỷ trọng dịch vụ, xác định phát triển công nghiệp, cảng biển, dịch vụ hậu cần cảng và du lịch là nhiệm vụ trọng tâm; phát triển mạnh kinh tế biển phù hợp với tình hình thực tế của địa phương và trong tổng thể chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

a) Công nghiệp ven biển

- Triển khai thực hiện tốt và đồng bộ Chương trình hành động số 11-CTr/TU ngày 26/11/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 23- NQ/TW của Bộ Chính trị về định hướng xây dựng chính sách phát triển công nghiệp quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn 2045.
- Nghiên cứu ưu tiên phát triển các ngành công nghiệp công nghệ cao thân thiện với môi trường, công nghệ nền tảng, công nghệ nguồn.
- Phát triển hợp lý các ngành dịch vụ, logistics, lọc hóa dầu, năng lượng, cơ khí chế tạo, công nghiệp chế biến, công nghiệp hỗ trợ.
- Triển khai có hiệu quả, đồng bộ cơ chế, chính sách nhằm phát triển bền vững ngành công nghiệp ven biển, bảo đảm giải quyết tốt đồng thời các vấn đề về môi trường, xã hội, nâng cao hiệu quả sử dụng tài nguyên, tiết kiệm năng lượng và phát triển cơ sở hạ tầng xã hội.

b) Kinh tế hàng hải

- Phát triển đồng bộ dịch vụ hỗ trợ vận tải, vận tải đa phương thức, đặc biệt nâng cao chất lượng dịch vụ logistics để giảm chi phí logistics, kết nối hiệu quả

hệ thống hạ tầng giao thông, phát triển logistics thành một ngành dịch vụ đem lại giá trị tăng cao, góp phần tăng sức cạnh tranh trong phát triển kinh tế của tỉnh và toàn khu vực.

- Tăng cường quản lý quỹ đất được quy hoạch cho phát triển cảng và dịch vụ hậu cần cảng, không để diễn ra tình trạng lấn chiếm, xây dựng trái phép trên đất quy hoạch.

c) Du lịch và dịch vụ biển

- Chú trọng công tác đào tạo, cập nhật kiến thức cho nguồn nhân lực du lịch đủ năng lực, trình độ tham gia hoạt động trong ngành, cải thiện dịch vụ ngành du lịch

- Xúc tiến quảng bá du lịch, đa dạng hóa các sản phẩm, chuỗi sản phẩm, thương hiệu du lịch biển đẳng cấp quốc tế trên cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học, phát huy giá trị di sản thiên nhiên, tạo sức hấp dẫn du khách trong và ngoài nước.

- Tăng cường hợp tác công tư để huy động các nguồn lực trong xã hội trong việc trùng tu, tôn tạo các di tích lịch sử, văn hóa trọng điểm; đầu tư hệ thống hạ tầng về giao thông phục vụ phát triển du lịch. Đẩy nhanh tiến độ đầu tư dự án cảng chuyên dùng để phục vụ khách du lịch bằng đường tàu biển quốc tế, tuyến kết nối hệ thống các Hòn tại Côn Đảo.

- Có giải pháp thúc đẩy chủ đầu tư các dự án du lịch đã được cấp phép chuyển vốn đăng ký sang vốn thực hiện, hoàn thành dự án đi vào hoạt động.

- Khuyến khích chủ đầu tư các dự án du lịch ven biển chủ động trong công tác phòng chống thiên tai, chống sạt lở bờ biển và chống xâm nhập mặn trong phạm vi dự án do đơn vị thực hiện; việc đầu tư các công trình phòng chống thiên tai, chống sạt lở bờ biển và chống xâm nhập mặn trong phạm vi dự án bằng nguồn vốn doanh nghiệp thực hiện theo các quy hoạch đã được duyệt và các quy định hiện hành.

- Giải quyết kịp thời các khó khăn, vướng mắc về thủ tục đất đai, quy hoạch, đẩy nhanh tiến độ đầu tư các dự án du lịch.

d) Nuôi trồng và khai thác thủy sản

- Tiếp tục phát triển mạnh nuôi trồng các loại thủy sản tạo sản phẩm chủ lực theo nhu cầu của thị trường, phù hợp với điều kiện của vùng sinh thái.

- Hình thành các vùng nuôi trồng thủy sản tập trung có quy mô, diện tích phù hợp với thị trường, tạo sản phẩm hàng hóa lớn phục vụ xuất khẩu và tiêu thụ trong nước, gắn với truy xuất nguồn gốc, xây dựng thương hiệu thủy sản uy tín, chất lượng cao.

- Phát triển nuôi biển, đảo thành một lĩnh vực sản xuất quy mô công nghiệp tạo khối lượng sản phẩm lớn phục vụ xuất khẩu, du lịch và tiêu thụ nội địa.

- Áp dụng các tiêu chuẩn kỹ thuật và công nghệ tiên tiến, công nghệ cao vào trong sản xuất giống, tập trung nguồn lực để tạo nguồn giống sạch bệnh.

Đầu tư nâng cấp hệ thống quan trắc cảnh báo môi trường và dịch bệnh tại các vùng nuôi trồng thủy sản.

- Tổ chức lại sản xuất khai thác hải sản trên biển trên cơ sở cơ cấu lại tàu thuyền, nghề nghiệp phù hợp với vùng biển, môi trường tự nhiên, nguồn lợi hải sản của vùng biển miền Đông Nam bộ.

- Chuyển dịch mạnh mẽ hoạt động khai thác hải sản ven bờ ra xa bờ hoặc sang nghề khác như nuôi trồng thủy sản trên biển, du lịch ...

- Chuyển đổi nghề khai thác có tính hủy diệt nguồn lợi thủy sản, nghề cầm khai thác sang các ngành nghề thân thiện với môi trường.

- Hiện đại hóa công tác quản lý nghề cá trên biển, đặc biệt sớm đầu tư hoàn thiện hệ thống thông tin tàu cá nhằm chủ động cảnh báo, kịp thời ứng phó với các tai nạn, rủi ro trên biển, cứu hộ, cứu nạn.

- Đào tạo nghề cho ngư dân, thuyền trưởng, máy trưởng đủ năng lực hoạt động dài ngày trên biển; gắn hoạt động khai thác hải sản với bảo vệ an ninh an ninh quốc phòng trên vùng biển.

- Nâng cao chất lượng chế biến hải sản, tập trung vào chế biến tinh, chế biến sâu, đa dạng hóa các loại mặt hàng thủy sản đảm bảo chất lượng và giá thành cạnh tranh.

- Khuyến khích các doanh nghiệp chế biến hải sản xây dựng và quảng bá thương hiệu hải sản của tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

e) Năng lượng tái tạo và các ngành kinh tế biển mới

Quan tâm phát triển một số ngành kinh tế dựa vào khai thác tài nguyên đa dạng sinh học biển như rừng ngập mặn, dược liệu biển, nuôi trồng và chế biến rong, tảo...

IV. CÁC CHƯƠNG TRÌNH, ĐỀ ÁN, DỰ ÁN, NHIỆM VỤ ĐỂ THỰC HIỆN MỤC TIÊU CỦA CHIẾN LƯỢC

1. Đẩy mạnh thực hiện các chương trình, đề án, dự án, nhiệm vụ đã được phê duyệt tại Quyết định số 575/QĐ-UBND về Kế hoạch thực hiện Chương trình hành động số 44-Ctr/TU ngày 09/10/2019 của Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh và Nghị quyết 26/NQ-CP ngày 05/3/2020 của Chính phủ về Kế hoạch tổng thể và kế hoạch 5 năm thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TW ngày 22/10/2018 của Hội nghị lần thứ tám Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

2. Thực hiện kế hoạch số 55/KH-UBND ngày 17 tháng 4 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh về thực hiện Quyết định số 892/QĐ-TTg ngày 26/7/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án phát triển cụm liên kết ngành kinh tế biển gắn với xây dựng các trung tâm kinh tế biển mạnh thời kỳ đến năm 2030; Chương trình hành động số 26-Ctr/TU ngày 15 tháng 3 năm 2023 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Bà Rịa – Vũng Tàu thực hiện Nghị quyết số 24-NQ/TW,

ngày 07/10/2022 của Bộ Chính trị về “phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Đông Nam Bộ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045”

3. Phối hợp triển khai thực hiện các chương trình, đề án, dự án, nhiệm vụ trong các Quyết định số 1570/QĐ-TTg ngày 06 tháng 9 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên và bảo vệ môi trường biển đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 và Quyết định số 798/QĐ-TTg ngày 11 tháng 5 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Kế hoạch thực hiện Chiến lược khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên và bảo vệ môi trường biển đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030.

4. Xây dựng và triển khai thực hiện các chương trình, đề án, dự án, nhiệm vụ mới được đề ra trong Phụ lục kèm theo Kế hoạch này.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Trên cơ sở nhiệm vụ được giao trong Kế hoạch này, Giám đốc các sở, ban, ngành, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố chỉ đạo xây dựng kế hoạch thực hiện của ngành, địa phương mình; cụ thể hoá thành các nhiệm vụ trong kế hoạch công tác hàng năm của ngành, địa phương; báo cáo UBND tỉnh trước ngày 30 tháng 9 năm 2023.

2. Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm điều phối, theo dõi, đôn đốc và tổng hợp việc thực hiện Kế hoạch này để bảo đảm tính đồng bộ, thống nhất trong quá trình thực hiện; tổ chức sơ kết thực hiện Chiến lược vào năm 2025 và đề xuất sửa đổi, bổ sung các nhiệm vụ ưu tiên cho giai đoạn tiếp theo trong phạm vi quản lý.

3. Các sở, ban, ngành, địa phương thực hiện công tác xây dựng dự toán ngân sách nhà nước trình cấp có thẩm quyền phê duyệt đối với các quy hoạch, Đề án, Chương trình, dự án kèm theo Kế hoạch này.

4. Sở Tài chính tham mưu UBND tỉnh bố trí kinh phí chi thường xuyên ngân sách tỉnh thực hiện các nhiệm vụ sử dụng nguồn kinh phí chi thường xuyên được phê duyệt tại Kế hoạch này theo đúng quy định của pháp luật về Ngân sách nhà nước, trong khả năng cân đối ngân sách và theo phân cấp ngân sách nhà nước hiện hành.

5. Sở Kế hoạch và Đầu tư tham mưu UBND tỉnh bố trí nguồn vốn đầu tư công thực hiện các chương trình, đề án sử dụng nguồn vốn đầu tư công được phê duyệt tại Kế hoạch này theo đúng quy định của pháp luật về đầu tư công.

6. Các phương tiện thông tin đại chúng và đoàn thể các cấp đẩy mạnh các hoạt động giám sát, tuyên truyền trong quá trình triển khai thực hiện Kế hoạch.

7. Giám đốc các sở, ban, ngành, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố tập trung chỉ đạo, tăng cường kiểm tra, đôn đốc việc triển khai thực hiện Kế hoạch này; báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh về tình hình thực hiện Kế hoạch định kỳ trước ngày 31/12 hàng năm.

(Ban hành kèm theo Kế hoạch này gồm Phụ lục: Danh mục chương trình, dự án, nhiệm vụ thực hiện Chiến lược cho giai đoạn 2021-2030).

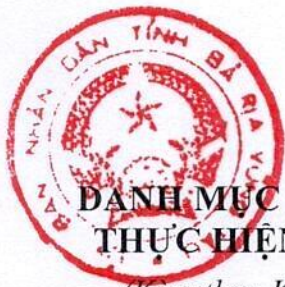
Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường (b/c);
- TTr. Tỉnh ủy, TTr. HĐND tỉnh (b/c);
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ủy ban MTTQ VN tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành thuộc tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Các đoàn thể cấp tỉnh;
- Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh;
- Báo Bà Rịa – Vũng Tàu;
- Trung tâm Công báo – Tin học;
- Lưu: VT, KT7. (3)

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



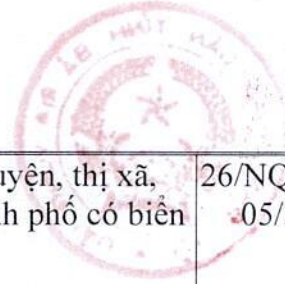
Nguyễn Công Vinh



Phụ lục
DANH MỤC CHƯƠNG TRÌNH, ĐỀ ÁN, DỰ ÁN, NHIỆM VỤ
THỰC HIỆN CHIẾN LƯỢC CHO GIAI ĐOẠN 2021 – 2030

(Kèm theo Kế hoạch số 124/KH-UBND ngày 06/.../2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu)

Số TT	Chương trình, đề án, dự án	Cơ quan chủ trì xây dựng đề án	Cơ quan chủ trì phối hợp triển khai thực hiện	Cơ quan phối hợp	Ghi chú
	Hoàn thiện hệ thống pháp luật				
1	Đề án kiện toàn tổ chức bộ máy ở trung ương và địa phương có biển đủ mạnh để đảm bảo quản lý nhà nước tổng hợp, thống nhất về tài nguyên, môi trường biển và hải đảo	Bộ Nội vụ	Sở Nội vụ	Sở Tài nguyên và Môi trường và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố có biển	
	Khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên biển và hải đảo				
2	Đề án lập danh mục phân loại hải đảo	Bộ Tài nguyên và Môi trường	Sở Tài nguyên và Môi trường	Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố có biển	
3	Triển khai thực hiện Kế hoạch triển khai Quyết định số 1664/QĐ-TTg ngày 04/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án phát triển nuôi trồng thủy sản trên biển đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 trên địa bàn tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Các ngành liên quan và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố có biển	Đã được phê duyệt tại Quyết định số 1073/QĐ-UBND ngày 30/3/2022 của UBND tỉnh
4	Đề án xây dựng, phát triển một số đô thị, khu đô thị ven biển hiện đại	Bộ Xây dựng	Sở Xây dựng	Các ngành liên quan và Ủy ban nhân dân các	Đã được phê duyệt tại Nghị quyết số



	theo mô hình sinh thái, tăng trưởng xanh, thông minh gắn với phát triển du lịch bền vững, thích ứng với biến đổi khí hậu			huyện, thị xã, thành phố có biển	26/NQ-CP ngày 05/3/2020
5	Xây dựng và triển khai thực hiện Chiến lược phát triển du lịch tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050	Bộ Văn hóa thể thao và Du lịch	Sở Du lịch	Các ngành liên quan và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố có biển	
	Bảo vệ môi trường biển và đảo				
6	Nhiệm vụ thực hiện Chương trình quản lý tổng hợp vùng bờ	Sở Tài nguyên và Môi trường		Các ngành liên quan và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố có biển	
7	Đề án xây dựng mạng lưới quan trắc, giám sát tài nguyên, môi trường biển quốc gia đến năm 2030	Bộ Tài nguyên và Môi trường	Sở Tài nguyên và Môi trường	Các sở, ngành có liên quan và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố có biển	Đã được phê duyệt tại Nghị quyết số 26/NQ-CP ngày 05/3/2020
8	Đề án “Điều tra, thống kê và phân loại nguồn thải, nguồn gây ô nhiễm biển và hải đảo; xây dựng bản đồ phân vùng rủi ro ô nhiễm và sức chịu tải của vùng biển có rủi ro ô nhiễm cao cho giai đoạn 2021 - 2030”	Bộ Tài nguyên và Môi trường	Sở Tài nguyên và Môi trường	Các sở, ngành có liên quan và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố có biển	
	Bảo tồn đa dạng sinh học và nguồn lợi biển và hải đảo				
9	Đề án thiết lập vùng biển đặc biệt nhạy cảm tại Việt Nam	Bộ Giao Thông vận tải	Sở Giao thông vận tải	Các sở, ngành có liên quan và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố có biển	
	Ứng phó với biến đổi				



	khí hậu và nước biển dâng				
10	Dự án tăng cường năng lực và trang thiết bị dự báo, cảnh báo thiên tai, tác động của biến đổi khí hậu, nước biển dâng	Bộ Tài nguyên và Môi trường	Sở Tài nguyên và Môi trường	Các sở, ngành có liên quan và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố có biển	
	Điều tra cơ bản biển và hải đảo				
11	Chương trình trọng điểm điều tra cơ bản tài nguyên, môi trường biển và hải đảo đến năm 2030	Bộ Tài nguyên và Môi trường	Sở Tài nguyên và Môi trường	Các sở, ngành có liên quan và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố có biển	Đã được phê duyệt tại Quyết định số 28/QĐ-TTg ngày 07/01/2020 của Thủ tướng Chính phủ
	Khoa học, công nghệ và hợp tác quốc tế				
12	Đề án “Tổ chức liên quan triển khai thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ về phát triển và ứng dụng công nghệ khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên, bảo vệ môi trường biển và hải đảo và ứng phó với biến đổi khí hậu theo quy định hiện hành”	Bộ Khoa học và Công nghệ	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Tài nguyên và Môi trường, Các sở, ngành có liên quan và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố có biển	Trên cơ sở đề xuất đặt hàng của Sở Tài nguyên và Môi trường và các sở, ban, ngành, địa phương có liên quan, Sở Khoa học và Công nghệ phối hợp Sở Tài nguyên và Môi trường và các viện, trường triển khai thực hiện.
13	Đề án phát triển ngành chế tạo thiết bị phục vụ ngành công nghiệp năng lượng tái tạo; nghiên cứu mở rộng ứng dụng năng lượng tái tạo tại các khu vực ven biển, hải đảo	Bộ Công Thương	Sở Công Thương	Các sở, ngành liên quan	Đã được phê duyệt tại Nghị quyết số 26/NQ-CP ngày 05/3/2020



14	Điều tra tổng thể và lập hồ sơ các di tích lịch sử, văn hóa, danh lam thắng cảnh, di sản văn hóa phi vật thể gắn với biển và hải đảo	Bộ Văn hóa Thể thao và Du lịch	Sở Văn hóa và Thể thao	Các sở, ngành có liên quan và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố có biển
Giáo dục, đào tạo nguồn nhân lực				
15	Đề án tăng cường năng lực quản lý tổng hợp biển và hải đảo các cấp	Bộ Tài nguyên và Môi trường	Sở Tài nguyên và Môi trường	Sở Nội vụ, Sở Giáo dục và Đào tạo và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố có biển
16	Đề án tăng cường năng lực đào tạo đại học và sau đại học về biển và hải đảo	Bộ Tài nguyên và Môi trường	Sở Tài nguyên và Môi trường	Sở Giáo dục và Đào tạo, Các sở, ngành có liên quan và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố có biển